TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI
Bản án số: 45/2023/HNGĐ- ST
Ngày 17-5-2023
V/v tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu
- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều- Thư ký Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05-5-2023 giữa;

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị B, sinh năm 1973- Có mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1972- Có mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-4-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hứa Thị B trình bày: Chị B và anh T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã M làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến nay Chị B và anh T không có đăng ký kết hôn. Chị B và anh T chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T hay ghen tuông vô cớ. Chị B đã khuyên

bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị B và anh T đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023. Nay Chị B xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị B và anh T có ba con chung tên là Nông Văn D, sinh ngày 13-12-1991; Nông Thị T, sinh ngày 07-12-1993 và Nông Thị T1, sinh ngày 21-5-1997. Hiện nay các con trên 18 tuổi trưởng thành Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 17-4-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nông Văn T trình bày: Anh T và Chị B có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã M làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến nay anh T và Chị B không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T và Chị B đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023. Nay anh T xác định tình cảm vẫn còn đề nghị Chị B về đoàn tụ.

Về con chung: Anh T và Chị B có ba con chung tên là Nông Văn D, sinh ngày 13-12-1991; Nông Thị T, sinh ngày 07-12-1993 và Nông Thị T1, sinh ngày 21-5-1997. Hiện nay các cháu trên 18 tuổi trưởng thành, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị B và anh T; Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hứa Thị B và anh Nông Văn T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị B có yêu cầu xin ly hôn anh T, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người, xét thấy: Việc Chị B và anh T có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này;.....". Như vậy yêu cầu này của Chị B có căn cứ được chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị B và anh T có ba con chung tên là Nông Văn D, sinh ngày 13-12-1991; Nông Thị T, sinh ngày 07-12-1993 và Nông Thị T1, sinh ngày 21-5-1997. Hiện nay các cháu trên 18 tuổi trưởng thành Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vấn đề này không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Hứa Thị B và anh Nông Văn T.

2- Về án phí: Chị Hứa Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Chị B đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0003509 ngày 07-4-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3- Quyền kháng cáo: Chị Hứa Thị B, anh Nông Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh